

Số: 181/2026/QĐST-VLĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Ngọc

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Đình Giang - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên họp:*** Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 215/2026/TLST-VLĐ ngày 15 tháng 5 năm 2026 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 215/2026/QĐST-LĐ ngày 25 tháng 5 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu:*** Bà Lâm Thị Đ, sinh năm 1993; thường trú: Ấp N, xã L, Thành phố Cần Thơ. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Phạm Thị Tha L, sinh năm 1999; trú tại: Ấp H, xã L, Thành phố Cần Thơ. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH P; địa chỉ: Đường số C, khu công nghiệp Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội cơ sở L1, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Đường N, khu phố B, phường L, Thành Phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- ***Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Lâm Thị Đ trình bày:*** Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2013 đến tháng 7/2017, bà Lâm Thị Đ làm việc tại Công ty TNHH F, địa chỉ: Khu chế xuất L, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh và tham gia bảo hiểm xã hội với mã số: 7913178320. Nay, bà Đ đi làm thủ tục tại Bảo hiểm xã hội thì được biết bảo hiểm xã hội của bà bị trùng trong khoảng thời gian từ tháng 6/2013 đến tháng 7/2017. Nguyên nhân bị trùng bảo hiểm xã hội là do bà Đ cho bà Phạm Thị Tha L mượn

chứng minh nhân dân để làm việc tại Công ty TNHH P, địa chỉ: Đường số C, KCN Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình làm việc, bà L được Công ty TNHH P tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ bảo hiểm là 7413099009. Vì thiếu hiểu biết, nghĩ rằng việc cho bà L mượn chứng minh nhân dân để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P là không vi phạm gì và chỉ mong muốn cho bà L có công việc để trang trải cuộc sống. Vì vậy, bà Đ yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lâm Thị Đ (do bà Phạm Thị Tha L ký) và Công ty TNHH P là vô hiệu. Bà Lâm Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên bố hợp đồng vô hiệu. Do bản công việc nên bà Đ yêu cầu được giải quyết vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Tha L trình bày:
Bà L và bà Đ là chị em họ. Khoảng tháng 4/2013, bà L chưa đủ tuổi lao động, không có chứng minh nhân dân nên đã mượn chứng minh nhân dân của bà Đ để xin vào làm việc tại Công ty TNHH P và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 4/2013 đến tháng 7/2017 với số sổ bảo hiểm xã hội là 7413099009. Nay bà L thống nhất toàn bộ yêu cầu của bà Đ và đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lâm Thị Đ với Công ty TNHH P vô hiệu. Do bản công việc nên bà L yêu cầu được giải quyết vắng mặt.

- Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH P trình bày:

Trong quá trình tuyển dụng người lao động vào làm việc, công ty TNHH P sẽ căn cứ và hồ sơ xin việc có xác nhận hoặc công chứng của các cơ quan có thẩm quyền, trong đó người lao động cam kết các thông tin và hồ sơ hoàn toàn đúng sự thật và người lao động hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Việc bà Phạm Thị Tha L, sinh năm 1999 sử dụng hồ sơ và thông tin cá nhân của bà Lâm Thị Đ để làm việc tại công ty TNHH P là việc làm hoàn toàn chủ động của người mượn và người cho mượn. Việc mượn hồ sơ, sử dụng danh tính của người khác để xin việc là hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nguyên tắc trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động. Phía công ty luôn tuân thủ pháp luật, tôn trọng pháp luật và người lao động, căn cứ trên nguyện vọng của người lao động thể hiện bằng mong muốn xin việc làm tại công ty để giao kết hợp đồng với người lao động. Tuy nhiên, công ty không có các công cụ, phương tiện để kiểm tra hồ sơ, giấy tờ là thật hay giả, người lao động là thật hay giả. Công ty chỉ có thể căn cứ trên sự xác nhận của các cơ quan chức năng. Mặt khác, công ty TNHH P đảm bảo đã thanh toán đầy đủ tiền lương và các chế độ khác, đóng đủ BHXH cho người lao động có tên Lâm Thị Đ, người đã ký hợp đồng với công ty.

Vụ việc xảy ra từ tháng 04/2013 đến tháng 07/2017, công ty TNHH P đã thay đổi chủ đầu tư, thay đổi người đại diện pháp luật, thay đổi nhân viên quản lý nhân sự, người lao động cũng đã nghỉ việc, toàn bộ hồ sơ nhân sự nghỉ việc của công ty trước năm 2020 đã bị hư hỏng do khử trùng trong đại dịch Covid-19 và đã tiêu hủy sau nên không ai có thể xác định được người lao động đã làm việc

trong thời gian này tại công ty T là bà Lâm Thị Đ hay Phạm Thị Tha L. Việc này chỉ là sự khai báo đơn phương từ bà Lâm Thị Đ.

Công ty TNHH P không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Đ và đối với vụ việc này.

Bà Quách Thị N, sinh năm 1978 là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH P (Giấy ủy quyền ngày 22/5/2026) có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 22/6/2026.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở L1 (viết tắt là BHXH) trình bày:* Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH P cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Lâm Thị Đ, sinh năm 1993, số CMND 365981686, số CCCD 094193016050, với mã số BHXH 7413099009 có quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 04/2013 đến tháng 07/2017 tại Công ty TNHH P chưa hưởng BHXH 1 lần, chưa hưởng Bảo hiểm thất nghiệp. Ngoài ra qua tra cứu dữ liệu, BHXH cơ sở Lái Thiêu còn phát hiện bà Lâm Thị Đ còn có mã số 7913178320 từ tháng 6/2013 đến tháng 3/2025 tại Công ty TNHH F. Về các yêu cầu khác của bà Lâm Thị Đ thì BHXH cơ sở L1 không có ý kiến.

- *Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:* Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Lâm Thị Đ là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Lâm Thị Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Tha L, người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH P và Bảo hiểm xã hội cơ sở L1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian từ tháng 4/2013 đến tháng 7/2017, người lao động tên Lâm Thị Đ giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P và được Công ty TNHH P tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7413099009. Tuy nhiên, bà Đ và bà L đều thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH P và thực tế làm việc tại công ty T1 khoảng thời gian từ tháng 4/2013 đến tháng 7/2017 là bà Phạm Thị Tha L (do bà Đ cho bà L mượn chứng minh nhân dân).

[2.2] Xét thấy, lời khai của bà Đ, bà L phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở Lái Thiêu. Bởi lẽ, trong khoảng thời gian từ tháng 6/2013 đến tháng 7/2017, bà Đ đang làm việc tại Công ty TNHH F và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số 7913178320. Như vậy, chủ thể ký

kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P trong khoảng thời gian tháng 4/2013 đến tháng 7/2017 là ông bà Phạm Thị Tha L, không phải là bà Lâm Thị Đ.

Theo khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: “*Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực*”. Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: “*Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*” và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*”. Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: “*Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền*” và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “*Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này*”. Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L2 thì: “*...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...*”. Do đó, có cơ sở xác định việc bà L mượn hồ sơ cá nhân của bà Đ để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ BHXH số 7413099009 từ tháng 4/2013 đến tháng 7/2017 tại Công ty TNHH P là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị Đ về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lâm Thị Đ với Công ty TNHH P theo sổ bảo hiểm xã hội số 7413099009 bị vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “*... Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu*”. Quá trình giải quyết, các đương sự không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động vô hiệu. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ việc này; các đương sự có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cải chính thông tin theo quy định. Bà Đ

và bà L có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7413099009.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Lâm Thị Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Lâm Thị Đ.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lâm Thị Đ với Công ty TNHH P (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7413099009) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7413099009 không phải là bà Lâm Thị Đ, sinh năm 1993, giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, Chứng minh nhân dân số 365981686, căn cước công dân số: 094193016050. Bà Lâm Thị Đ và bà Phạm Thị Tha L được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7413099009.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Lâm Thị Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0028957 ngày 11/5/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND KV16-TPHCM;
- VKSND KV16-TPHCM;
- THA DS TP.HCM;
- Phòng THA KV16-TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Thị Ngọc